

amika:

Phương pháp Ngăn chặn
khi làm như vậy.

Không dành cho Hộ gia đình: Ngăn chặn đám bụi. Ngăn chặn rò rỉ hoặc đổ tràn thêm nếu an toàn

Phương pháp Dọn dẹp

Không dành cho Hộ gia đình: Dọn dẹp nhanh chóng bằng gàu xúc hoặc chân không. Lưu trữ trong thùng chứa thích hợp, đóng kín để thải bỏ. Ngăn sản phẩm đi vào cống.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Xử lý Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng. Tránh xa tầm tay trẻ em. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa trên nhãn.

Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi sự không tương thích

Bảo quản Đóng kín và lưu trữ thùng chứa ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.
Sản phẩm Không tương thích Không có

8. BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TIẾP XÚC

Thông số kiểm soát

Hướng dẫn Tiếp xúc Hướng dẫn tiếp xúc không thích hợp khi sản phẩm được sử dụng như dự định trong môi trường hộ gia đình.

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Biện pháp Kỹ thuật Không áp dụng

Biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ Mắt/Mặt Bảo vệ mắt dựa trên đánh giá rủi ro
Bảo vệ Da và Cơ thể Đối với tiếp xúc kéo dài và lặp đi lặp lại, sử dụng quần áo và/hoặc găng tay bảo hộ
Bảo vệ Đường hô hấp Lựa chọn mặt nạ phòng độc dựa trên đánh giá rủi ro
Biện pháp Vệ sinh Không có trong điều kiện bình thường

9. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Đặc tính Hóa Lý

Trạng thái Vật lý Chất lỏng
Ngoại quan Nhớt
Mùi Amika đặc trưng
Màu trắng nhạt

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ ĐỘ PHẢN ỨNG

Độ ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bảo quản được khuyến cáo.

Khả năng Phản ứng Nguy hiểm

Oxide carbon (CO, CO₂) và lưu huỳnh (SO₂).

Polyme hóa Nguy hiểm

Không xảy ra polyme hóa nguy hiểm.

amika:

Điều kiện cần tránh

Ngọn lửa hở, tia lửa, nhiệt cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Vật liệu Không tương thích

Không biết dựa trên thông tin được cung cấp.

Sản phẩm Phân hủy Nguy hiểm

Oxide carbon (CO, CO₂) và lưu huỳnh (SO₂).

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Mẫn cảm	Xem Phần 2
Tác dụng Gây đột biến	Sản phẩm này không được báo cáo là có tác dụng gây đột biến ở người.
Tính gây ung thư	Không chứa thành phần nào được liệt kê là chất gây ung thư.
Độc tính Sinh sản	Sản phẩm này không được báo cáo là gây độc tính sinh sản ở người.
Nguy hiểm Hít phải	Xem Phần 2
Độc tính đối với bào thai	Sản phẩm này không được báo cáo là gây độc tính với bào thai ở người.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Không có thông tin.

Độ lưu và Phân rã

Không có thông tin.

Tích tụ sinh học

Không có thông tin.

Các tác dụng Bất lợi khác

Không có thông tin.

13. CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ

Phương pháp Thải bỏ Chất thải	Thải bỏ theo quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.
Cân nhắc Đặc biệt	Không áp dụng

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không có quy định về vận chuyển.

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Hàng tồn kho Quốc tế

TSCA [Đạo luật Kiểm soát Chất độc]	Không áp dụng
DSL [Danh sách Chất Gia dụng]	Tuân thủ

TSCA - Đạo luật Kiểm soát Chất độc Hoa Kỳ Phần 8(b) Hàng tồn kho
DSL/NDSL - Danh sách Chất Gia dụng/Danh sách Chất không dùng cho Gia dụng của Canada

Quy định Tiểu bang Hoa Kỳ

Dự luật 65 của California

Sản phẩm này không chứa bất kỳ thành phần nào được liệt kê là chất gây ung thư ở tiểu bang California.

16. THÔNG TIN KHÁC

Được soạn bởi	amika
Ngày Phát hành	01/06/2021
Ngày Sửa đổi	01/06/2021
Lưu ý Sửa đổi	

Tuyên bố Từ chối Trách nhiệm Chung

Thông tin được cung cấp trong Bảng chỉ dẫn An toàn này là chính xác theo hiểu biết, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin cung cấp chỉ có mục đích hướng dẫn xử lý, sử dụng, gia công, chế biến, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và lưu hành an toàn và không được coi là bảo hành hoặc thông số chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến vật liệu cụ thể được chỉ định và có thể không có giá trị đối với vật liệu đó khi sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được chỉ rõ trong văn bản.

Kết thúc Bảng chỉ dẫn An toàn



安全技术说明书

发布日期 2020 年 7 月 1 日

修订日期 2020 年 7 月 1 日

修订号 1

1. 标识

产品名称	The Kure 债券修复洗发水
化学名称	水溶液
紧急联系人	中毒控制所: 1-800-222-1222
建议用途	头发清洁
供应商地址	300 Meserole Street Brooklyn, NY 11206

2. 危险标识

分类

《美国消费产品安全法》定义的“消费品”，按预期使用时（典型的使用持续时间和频率）不受 OSHA 危害通讯标准 (29 CFR 1910.1200) 的限制。

紧急情况概述

危害性说明

可能刺激眼睛。放置在儿童接触不到的地方。避免进入眼睛。请严格按照说明使用。

暴露影响

摄入

意外吞食可能会引起恶心、呕吐和/或腹泻。

眼睛

可能刺激眼睛。过度接触的症状可能包括发红、瘙痒、刺激和流泪。

皮肤

对于某些敏感个体而言，可能导致接触部位出现皮肤刺激反应（如皮疹、红肿、皮炎）。

amika:

吸入

长时间接触可能会刺激鼻子和喉咙，导致胸部不适、咳嗽以及呼吸困难。

3. 组成/成分信息

不需要列出无危害成分。

4. 急救措施

一般建议

就诊时向医生出示本安全技术说明书

眼睛接触

如果产品进入眼睛，应使用大量清水彻底冲洗眼睛至少 15 分钟，且应撑开眼睑以确保冲洗彻底。如果仍感觉刺痛，请及时就医。

皮肤接触

如果出现皮肤问题，应停止使用。如果症状持续不消，请致电医生。

吸入

立即将吸入者转移到空气新鲜的地方。在极端条件下，如果吸入者停止呼吸，应实施人工呼吸。请立即就医。

摄入

切勿催吐。请致电 +1 (800) 424-9300 与 Chemtrec 联系，或致电最近的中毒控制所或当地紧急电话号码以获取帮助和指导。请立即就医。如果误食者出现自发性呕吐，应让其保持低头（向前），减少引起吸入性肺炎的危险。

5. 消防措施

合适的灭火介质

水雾、泡沫、干粉灭火剂、二氧化碳

不合适的灭火介质

无可用信息。

化学品导致的特殊危险

本产品不易燃，但在着火时可能分解成有毒气体（例如，CO、CO₂ 和 NO_x）。

有害燃烧产物

无可用信息。

消防员的防护装备和预防措施

同任何火灾一样，应佩戴经 MMSHA/NIOSH 认可的自给式呼吸器（压力需求型）并穿戴全套防护装备。保持容器冷却，直到火熄灭。使用水喷雾冷却着火的表面并保护人员。逆风灭火。避免将水直接喷到存储容器中，否则可能导致沸腾溢出的危险。防止灭火或稀释形成的径流进入下水道、排水沟、饮用水供应水道或任何天然水道。消防员必须使用全套防护装备，包括 NIOSH 认可的正压自给式呼吸器，以防范潜在的有害燃烧或分解产物以及氧气不足的情况。

6. 泄漏应急处理

作业人员防护措施、防护装备和应急程序

个人预防措施

在正常使用情况下无特殊要求

其他信息

请参阅第 7 和 8 节中列出的防护措施。

环境预防措施

请勿将未经预处理或未充分稀释的产品排放到天然水域中。

amika:

防漏和清理的方法及材料

防漏方法	非家庭：防止形成尘埃云。在安全的前提下防止进一步泄漏或溢出。
清理方法	非家庭：立即用铲子或真空吸尘器清理。存放在合适的密封容器中进行弃置。防止本品进入排水沟。

7. 处理和存放

安全使用注意事项

处理 未使用时保持容器密闭。放置在儿童接触不到的地方。遵守标签上的注意事项。

安全存放条件（包括各种不相容物质）

存储 将容器密封存储于干燥、阴凉、通风良好的地方。

不兼容的产品 无

8. 暴露控制

控制参数

接触准则 在家庭环境中按预期用途使用本产品时，无相关接触准则。

适当的工程控制

工程措施 不适用

个人防护措施，比如个人防护装备

眼睛/面部防护 根据风险评估提供眼睛防护

皮肤和身体防护 如需长时间反复接触，应穿戴防护服和/或手套

呼吸防护 根据风险评估选择呼吸器

卫生措施 正常情况下无

9. 物理和化学特性

物理和化学特性

物理状态	液体
外观	黏稠
气味	经典 amika
颜色	米白色

10. 稳定性和反应性

化学稳定性

在建议的储存条件下可保持稳定。

出现有害反应的可能性

碳（CO、CO₂）和硫（SO₂）的氧化物。

危险聚合物

不会产生危险聚合物。

amika:

要避免的情况

明火、火花、高温和阳光直射。

不相容的物质

根据现有信息，未发现不相容物质。

有害分解产物

碳 (CO、CO₂) 和硫 (SO₂) 的氧化物。

11. 毒理学信息

过敏	见第 2 节
致突变作用	据报告，本产品不会对人类产生致突变作用。
致癌性	不包含被列为致癌物的成分。
生殖毒性	据报告，本产品不会对人类产生生殖毒性。
吸入危害	见第 2 节
胚胎毒性	据报告，本产品不会对人类产生胚胎毒性作用。

12. 生态学信息

生态毒性

无可用信息。

持久性和降解性

无可用信息。

生物累积性

无可用信息。

其他不良影响

无可用信息。

13. 废弃处置注意事项

废弃物置方法	依据联邦、州/省以及当地法规进行弃置。
特别注意事项	不适用

14. 运输信息

不受运输管制。

15. 法规信息

国际目录

TSCA	不适用
DSL	符合

TSCA — 美国《有毒物质控制法案》第 8(b) 节清单

DSL/NDSL — 加拿大国内物质清单/非国内物质清单



美国州立法规

《加州第 65 号提案》

本产品不含加州列出的任何致癌成分。

16. 其他信息

编制者	amika
发布日期	2021 年 6 月 1 日
修订日期	2021 年 6 月 1 日
修订说明	

一般免责声明

就我们所知、所悉和所信，本安全技术说明书中提供的信息在发布之日准确无误。这些信息仅作为安全处理、使用、加工、储存、运输、弃置和排放的指导，不得视为质保或质量规格。这些信息仅与文中指明的特定材料有关，除非另有说明，否则在此材料与任何其他材料结合使用时或任何其他流程中均不适用。

已到达安全技术说明书末尾